

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:
Sideways
suy giảm
nhẹ



VN-Index tăng 1,97 điểm lên 487,94 điểm trong những phút đầu giao dịch. Tuy nhiên, lực bán xả hàng mạnh lên trong khi lực cầu vẫn yếu khiến chỉ số nhanh chóng đảo chiều giảm xuống vùng giá đỡ. Áp lực bán tăng mạnh dần đẩy chỉ số xuống các mức sâu hơn về cuối phiên và đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên với 481,91 điểm, giảm 4,06 điểm, tương đương với 0,84% so với phiên trước.

Thanh khoản toàn phiên đạt 40,47 triệu đơn vị, tương ứng với 1004,27 tỷ đồng giá trị. Riêng giao dịch thỏa thuận chiếm 27,86% tổng với 8,6 triệu đơn vị, tương ứng với 278,57 triệu đồng giá trị. Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch trên 1 triệu đơn vị gồm có SSI, STB, NTB, MCG, ITA và RRE. Tại thời điểm đóng cửa, số lượng mã giảm giá chiếm áp đảo. BVH tăng giá và VIC đứng giá trong khi SSI, MSN, VCB giảm giá.

Khối ngoại tăng mua vào 146,6 tỷ đồng đồng thời bán ra 90 tỷ đồng, đưa lượng mua ròng toàn phiên lên 56,6 tỷ đồng. Họ tăng cường mua ròng các mã như REE, ITA, HAG, PVD đồng thời cũng bán ròng các mã STB, HSG, FPT.

VN-Index phiên hôm nay giảm điểm tương đối mạnh do lực mua yếu. Thị trường mở cửa ở mức điểm cao nhất và đóng cửa ở mức điểm thấp nhất tạo ra cây nến dài. Lượng giao dịch yếu cho thấy nhà đầu tư vẫn đang thận trọng với việc mua vào tại vùng giá hiện tại

- *Xu hướng đi ngang, suy giảm nhẹ vẫn là xu hướng chủ đạo hiện nay và sẽ tiếp tục tiếp diễn trong thời gian tới, trước khi có những thay đổi mạnh hơn theo hướng đi lên hoặc đi xuống.*

- Sự suy giảm về dòng tiền là nguyên nhân quan trọng nhất, chỉ khi dòng tiền vào mạnh thì thị trường mới có thể tăng điểm mạnh.
- Mức cắt lỗ tại 467 điểm. Nhà đầu tư cần cắt lỗ nếu thị trường rơi xuống dưới 467 điểm.
- Nhà đầu tư có thể ngắn hạn có thể mua vào khi thị trường bật mạnh cả về điểm số và khối lượng giao dịch tạo ra mô hình Flag pattern
- Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng trong khi nhà đầu tư trung dài hạn có thể từ từ mua vào cổ phiếu.

HNX:

Mô hình Vai-Đầu-Vai



Tương tự như VN-Index, HNX-Index cũng tăng điểm nhẹ vào đầu phiên giao dịch nhưng nhanh chóng đảo chiều và liên tục chạm các mức điểm thấp hơn về cuối phiên. Chỉ số đóng cửa với 111,16 điểm, giảm 2,24 điểm, tương đương với 1,98% so với phiên trước.

Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên hôm qua với 28,65 triệu cổ phiếu, tương đương với 550 tỷ giá trị được chuyển nhượng. Tại thời điểm đóng cửa, toàn thị trường có 234 cổ phiếu giảm giá, 79 cổ phiếu đứng giá và 56 cổ phiếu tăng giá. Các cổ phiếu như ACB, HBB, PVX, VCG... đều giảm trong khi một số cổ phiếu như MKV, VKC... tăng trần.

Giao dịch của khối ngoại không có nhiều biên độ. Toàn phiên, họ mua ròng 16,5 tỷ đồng, trong đó mua vào 19,9 tỷ đồng và bán ra 3,4 tỷ đồng. Các cổ phiếu như VND, PVX, PVS được mua ròng với khối lượng tương đối lớn trong khi ICG, PHS, VE9, BVS bị bán ròng.

HNX diễn biến khá tiêu cực.

- Thị trường HNX diễn biến đúng hơn VN-Index.
- Mức kháng cự gần nhất là 116 điểm và nhà đầu tư nên gia tăng lượng cổ phiếu nắm giữ nếu thị trường vượt khỏi mức này.
- Mức hỗ trợ gần nhất là 110 điểm, nếu lực bán tăng mạnh thì thị trường sẽ diễn biến rất xấu theo mô hình vai-đầu-vai và mức cắt lỗ là 110 điểm.
- Thị trường sẽ thử nghiệm mốc 108-110 điểm trong vài ngày tới và nhà đầu tư nên bán ra khi HNX-Index giảm xuống dưới 108-110 điểm.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng theo biến động chung của thị trường, hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm PVN đều giảm giá trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Trong 30 cổ phiếu niêm yết, chỉ có duy nhất PVF tăng 0,83%, DPM và PVD đứng giá, còn lại đều giảm giá. Các cổ phiếu giảm mạnh nhất gồm ICG giảm 5,21% và PV2 giảm 4,35%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 2,32% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,18 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 05/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	20,000	328,500	↓ -5.21	1.51	8.60	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	11,800	2,400	↓ -3.28	1.07	37.63	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10,100	29,800	↓ -0.98	1.30	105.65	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	13,300	203,900	↓ -3.62	0.59	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25,500	127,400	↓ -3.04	1.68	2.03	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14,700	48,200	↓ -1.34	1.26	6.08	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,000	288,300	↓ -2.26	1.12	10.12	HNX
8	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	11,000	24,100	↓ -4.35	0.69	N/A	HNX
9	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	43,300	152,900	↓ -3.56	2.32	6.30	HNX
10	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26,300	301,200	↓ -2.59	2.03	6.71	HNX
11	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	15,700	44,200	↓ -3.09	1.39	6.62	HNX
12	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,400	49,600	↓ -2.19	0.60	10.07	HNX
13	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,400	84,800	↓ -3.33	1.61	7.69	HNX
14	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	14,500	449,900	↓ -3.33	1.29	N/A	HNX
15	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11,500	28,300	↓ -3.36	0.65	21.63	HNX
16	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,800	181,100	↓ -1.42	1.71	5.45	HNX
17	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	14,500	11,700	↓ -1.36	1.19	5.63	HNX
18	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21,700	2,235,600	↓ -1.81	1.44	6.99	HNX
19	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,000	247,150	↔ 0.00	2.57	8.78	HSX
20	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17,100	198,930	↓ -1.16	1.02	6.98	HSX
21	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,300	99,540	↓ -1.94	3.16	5.22	HSX
22	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12,300	140,200	↓ -3.15	0.52	13.60	HSX
23	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,500	154,300	↔ 0.00	3.97	15.03	HSX
24	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	24,400	135,210	↑ 0.83	2.27	49.73	HSX
25	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,200	163,610	↓ -1.92	0.86	40.08	HSX
26	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	15,100	45,300	↓ -2.58	1.45	6.82	HSX
27	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	10,400	303,060	↓ -2.80	0.94	N/A	HSX
28	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,800	30,530	↓ -3.76	1.09	9.91	HSX
29	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,100	31,400	↓ -2.08	1.32	6.06	HSX
30	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,000	43,510	↓ -0.99	0.85	12.60	HSX
31	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11,000	6,600	↓ -9.84	0.98	24.65	UPCOM
32	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,300	8,500	↓ -3.64	0.54	N/A	UPCOM
33	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
34	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,600	8,500	↔ 0.00	0.78	N/A	UPCOM
35	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,000	5,800	↓ -2.78	0.70	N/A	UPCOM
36	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	8,400	-	↔ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
37	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Thị trường Mỹ: Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố số đơn đặt hàng nhà máy tháng 11 tăng 0.7%, trái dự báo giảm 0.3% Doanh số bán lẻ của các hãng xe lớn như GM, Ford, Chrysler đều tăng, trung bình đạt 10%, cho thấy phần nào đã hồi phục của ngành công nghiệp xe hơi Mỹ trong năm 2010. Tính cả năm 2010, doanh số bán xe của các tập đoàn trên thậm chí khá lạc quan với Ford tăng 19%, Chrysler 16% và GM 6%.

Khu vực Eurozone: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 của Eurozone đã tăng 2.2%, cao hơn so với mức 1.9% trong tháng 11, là lần đầu tiên kể từ tháng 11/2008, lạm phát Eurozone vượt mức trần gần 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB).

Số người thất nghiệp tại Đức bất ngờ tăng vọt thêm 3,000 trong tháng 12, ngược với mức giảm 8,000 trong tháng 11. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp đứng yên ở mức 7.5%, mức thấp nhất kể từ năm 1992.

Chỉ số sản xuất tháng 12 của Anh tăng lên mức cao nhất trong vòng 16 năm. Theo đó, chỉ số Markit/CIPS tăng từ 57.5 điểm trong tháng 11 lên 58.3 điểm trong tháng 12, mức cao nhất kể từ tháng 9/1994.

Châu Á: tốc độ tăng trưởng của các hoạt động ngành sản xuất Hàn Quốc vào tháng 12-2010 lên đến mức cao nhất trong bảy tháng qua nhờ nhiều đơn đặt hàng mới. Ngân hàng trung ương Hàn Quốc cho biết có thể sẽ tăng mức lãi suất chính thức ở các ngân hàng vào quý 1-2011, và sẽ hạ mức trần các giao dịch hối đoái ở các ngân hàng.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, 10/30 ngành công nghiệp chủ chốt của Nhật Bản sẽ phải đối mặt với quý 1 khá ảm đạm do sự hết hạn của các biện pháp kích thích kinh tế và nhu cầu yếu ớt trong nước.

Tình hình trong nước. Trong nước trong những ngày đầu năm mới không có nhiều động thái kinh tế đáng chú ý. Tất cả đều đang hướng sự chú ý đến Đại Hội Đảng XI sẽ diễn ra trong tháng 1/2011

Giá vàng trong nước hôm nay giảm mạnh hơn 400,000 đồng/lượng, xuống mức 35,60/35,77 triệu đồng/lượng Tỷ giá đô la tăng dần về mức 21,000, hôm nay tỷ giá tự do tại một số cửa hàng ở mức 20,970/21,020 (mua vào/bán ra).

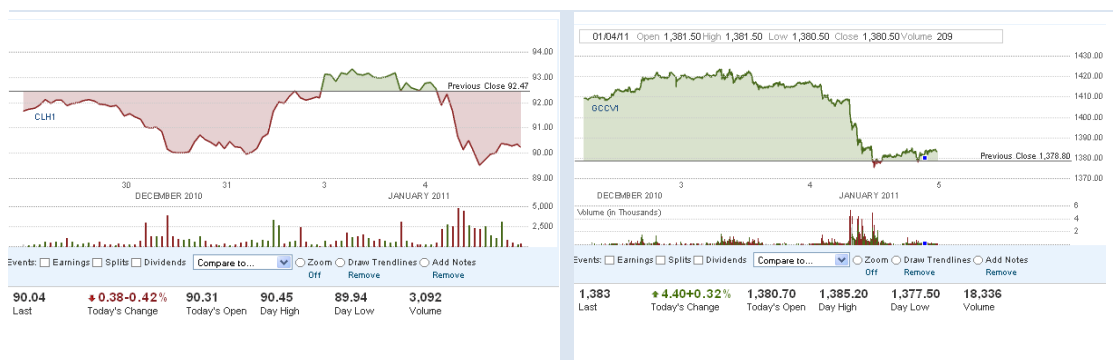
THỊ TRƯỜNG

Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)

Giá vàng kỳ hạn (COMEX)

HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google Finance; CNNMoney, CNBC



Giá vàng hạ mạnh nhất từ tháng 7/2010, giá dầu đi xuống khi đồng USD lên giá sau các thông tin tích cực về sản xuất ở Mỹ

Giá vàng giảm mạnh: sau những phiên tăng đầu năm, giá vàng đã giảm dần cho các thông tin tích cực về sản xuất của Mỹ khiến đồng đôla mạnh lên. Vàng hôm nay đã giảm mạnh xuống dưới 1390\$/ounce. Vào lúc 14h00 GMT+7, giá vàng giao ngay ở mức 1380.00, giảm hơn 2.4%. Giá vàng kỳ hạn cũng giảm xuống 1383.5/ounce

Giá dầu xuống mức 90\$/thùng: Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York tiếp tục giảm trong phiên ngày 5/1, vào hồi 16h00 GMT+7, giá dầu giao dịch ở mức 88.53USD/thùng (-0,93%). Giá dầu Brent giảm 36 cents (-0.4%) xuống mức ở mức 94.70\$/ thùng.

Giá thép dự kiến sẽ không tăng trong quý I/2011: Posco-nhà sản xuất thép lớn thứ 3 thế giới và số 1 Hàn Quốc cho biết sẽ giữ nguyên giá thép ở thị trường nội địa trong quý 1 năm 2011 ở mức không đổi so với quý 4 năm 2010. Các nhà máy thép châu Á đang bị ảnh hưởng bởi nhu cầu chậm lại ở Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ thép lớn nhất thế giới, bởi nền kinh tế hạ nhiệt và sự mãn hạn của các biện pháp kích thích kinh tế từ Bắc Kinh.

Cao su dự kiến đạt giá trị xuất khẩu lớn: Hiệp hội cao su Việt Nam cho biết, năm 2010, dự kiến cả nước sản xuất được khoảng 780.000 tấn cao su, tăng 30.000 tấn. Với việc giá cao su liên tục tăng, đến tháng 12 giá cao su ở mức gần 5.000 đô la Mỹ/tấn, ngành cao su thu về khoảng 2,3 tỉ đô la Mỹ, vượt kế hoạch đưa ra từ đầu năm khoảng 800 triệu đô la Mỹ.

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận ặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	28.66	1, 31,367	10,010	6/01/2011	Từ 17/12/2010 đến 30/12/2010
Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	350.00	4,292,800	10,000	5/01/2011	Từ 16/12/2010
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Nông thổ sản II	64.00	4,313,200	10,000	30/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	2,600.00	13,000,000	21,000	29/12/2010	Từ 10/12/2010
Cảng Mỹ Thới An Giang	138.00	956,900	10,000	28/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	HSX		17/12/2010
CTCP Đường Bình Định	HNX		16/12/2010

CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	150	09/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	HNX	188.7	09/12/2010

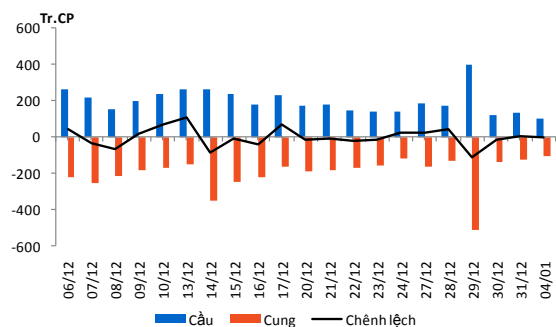
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV	TVD	HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	26.00		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	PPS	HNX	150.00		07/01/2011
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011
CTCP Đường Kon Tum	KTS	HNX	30.00		31/12/2010
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	KST	HNX	30.00		29/12/2010
CTCP Mía đường 333	S33	UPCOM	23.00		29/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	PCG	HNX	188.70		29/12/2010
CTCP Hăng sơn Đông Á	HAD	HNX	22.00		27/12/2010

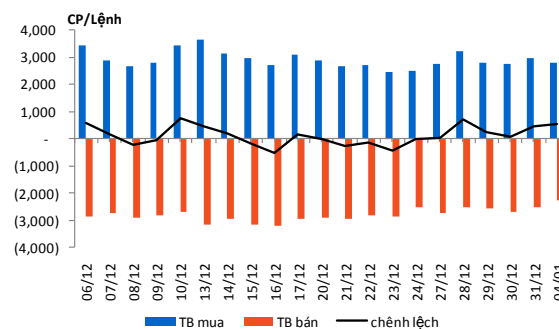
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

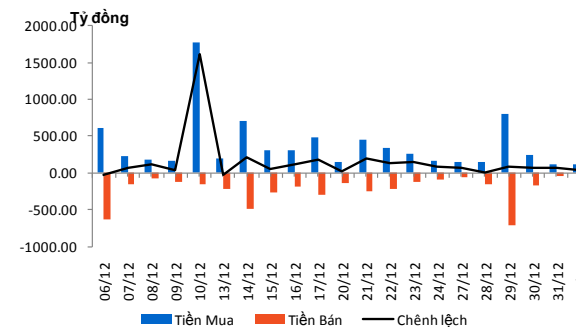
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)

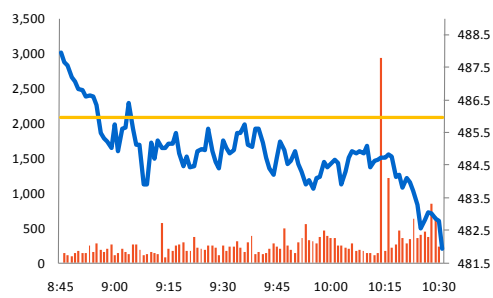


HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	481.91 ↓	-4.06	-0.84%
KLGD (triệu ck)	40.58 ↑	10.98	37.09%
GTGD (tỷ đồng)	1,004.27 ↑	262.39	35.37%
Tổng cung (triệu ck)	71.54 ↑	11.60	19.36%
Tổng cầu (triệu ck)	58.02 ↓	-0.91	-1.55%

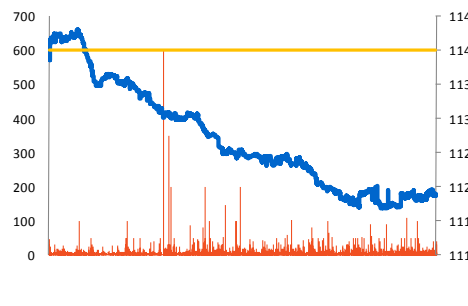
Giao dịch NN

KL mua (triệu ck)	3.74 ↑	1.10	41.71%
KL bán (triệu ck)	2.49 ↑	0.94	60.81%
Giá trị mua (tỷ đồng)	146.64 ↑	44.18	43.12%
Giá trị bán (tỷ đồng)	90.05 ↑	9.63	11.98%



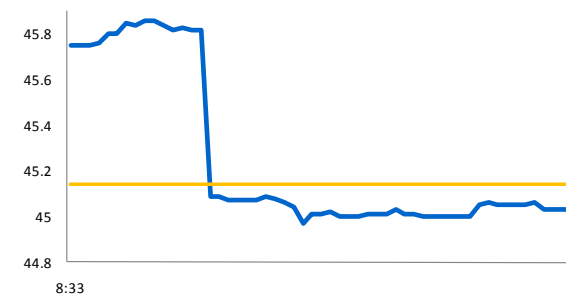
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	111.16 ↓	-2.24	-1.98%
KLGD (triệu ck)	28.65 ↑	5.57	24.15%
GTGD (tỷ đồng)	550.14 ↑	91.01	19.82%
Tổng cung (triệu ck)	43.11 ↓	-0.04	-0.09%
Tổng cầu (triệu ck)	42.49 ↓	-0.03	-0.06%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	45.03 ↓	-0.11	-0.24%
KLGD (triệu ck)	0.27 ↑	0.00	0.00%
GTGD (tỷ đồng)	2.16 ↑	0.00	0.00%
Tổng cung (triệu ck)	0.77 ↑	0.00	0.00%
Tổng cầu (triệu ck)	0.51 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	32,200	31,300	-2.80	172,312
HAG	79,500	79,500	0.00	102,369
MCG	16,000	15,300	-4.38	56,127
STB	15,700	15,500	-1.27	35,575
NTB	18,000	17,500	-2.78	29,810

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HTI	14,700	15,400	700	4.76
SFC	27,500	28,800	1,300	4.73
VPL	42,400	44,400	2,000	4.72
DDM	6,400	6,700	300	4.69
NVN	21,500	22,500	1,000	4.65

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
ST8	24,000	22,800	-1,200	-5.00
TIX	46,000	43,700	-2,300	-5.00
SRF	28,500	27,100	-1,400	-4.91
LGL	20,400	19,400	-1,000	-4.90
TBC	14,300	13,600	-700	-4.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
HAG	17,872	VNM	13,510
VNM	13,425	STB	13,270
VCB	9,918	FPT	11,118
FPT	8,080	VCB	8,365
PVD	7,939	HAG	6,734

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
VND	24,000	22,800	-5.00	61,096
PVX	22,100	21,700	-1.81	48,454
SHN	23,700	22,800	-3.80	39,763
KLS	16,300	15,700	-3.68	39,733
HBB	11,600	11,200	-3.45	33,282

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DNC	14,300	15,300	1,000	6.99
VKC	15,800	16,900	1,100	6.96
TNG	18,700	20,000	1,300	6.95
NHA	27,600	29,500	1,900	6.88
DHT	39,400	42,100	2,700	6.85

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
L18	28,600	26,600	-2,000	-6.99
SSS	25,800	24,000	-1,800	-6.98
VCM	25,900	24,100	-1,800	-6.95
PMS	21,600	20,100	-1,500	-6.94
IDV	27,400	25,500	-1,900	-6.93

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
TGP	6,500	6,800	4.62	1,119
SPD	10,800	10,800	0.00	137
ACC	29,900	27,000	-9.70	116
HPT	16,000	16,000	0.00	96
SMB	15,000	15,000	0.00	89

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
TNB	14,100	15,500	1,400	9.93
IMT	9,900	10,500	600	6.06
GDW	8,900	9,400	500	5.62
TNM	6,300	6,600	300	4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DNS	10,100	9,100	-1,000	-9.90
HU1	20,300	18,300	-2,000	-9.85
NT2	12,200	11,000	-1,200	-9.84
ACC	29,900	27,000	-2,900	-9.70
ND2	8,400	7,600	-800	-9.52

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339